

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ THÔNG TIN TẠI VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Hữu Hùng
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Nêu khái niệm chính sách trong hoạt động thông tin nói chung và phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin nói riêng. Đưa ra đánh giá về hiện trạng các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Luận chứng cho việc cần hình thành chính sách phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin trong hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Đặt vấn đề

Thế kỷ XXI được đánh dấu bằng sự ra đời của nền kinh tế mới, được gắn bằng nhiều thuật ngữ: kinh tế thông tin, kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế mạng,... Trong nền kinh tế này, xuất hiện một loạt các sản phẩm quan trọng không phải trong các lĩnh vực sản xuất vật chất truyền thống như công nghiệp, nông nghiệp,... mà thuộc lĩnh vực “phi truyền thống” - lĩnh vực thông tin. Trong những năm qua, trong Hệ thống thông tin quốc gia (HTTTQG), không ít các cơ quan thông tin, tư liệu, thư viện ở các cấp (trung ương, địa phương), các khu vực (kinh tế, thương mại, KHCN, giáo dục và đào tạo) đã có những nỗ lực đáng kể để hình thành bước đầu những sản phẩm này. Cũng như bất kỳ loại sản phẩm nào trong xã hội, vấn đề cần thiết là phải xác lập được chiến lược và chính sách phát triển thích hợp.

1. Khái niệm

Thuật ngữ “chính sách” (từ tiếng Anh “policy”) được sử dụng để chỉ quá trình tác động, ảnh hưởng của nhà nước đối với các hoạt động, mà ở đây là hoạt động và quá trình vận động của thông tin trong xã hội, thông qua việc sử dụng hai loại lực

chủ yếu, quyền lực và sự ảnh hưởng. Các lực này được thể hiện trong các loại văn bản pháp quy và cơ chế. Như vậy, chính sách là tập hợp các biện pháp được thể chế hoá của một chủ thể quản lý, tác động vào đối tượng quản lý, nhằm thúc đẩy đối tượng quản lý thực hiện mục tiêu mà chủ thể quản lý vạch ra. Trong hoạt động quản lý xã hội, bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều cần có những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đó nhằm góp phần vào phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh chính trị,... Nhà nghiên cứu chính sách nổi tiếng của Hoa Kỳ Peter Herson trong công trình “Chính sách thông tin quốc gia” [5] năm 1989 đã xác định “Chính sách thông tin là tập hợp các luật, văn bản quy phạm và các hướng dẫn trực tiếp tác động và quản lý tới vòng đời của thông tin. Vòng đời này bao gồm các quá trình lập kế hoạch, tạo lập, sản xuất, thu thập, phân phối, phổ biến và tìm kiếm thông tin”. Như vậy, chính sách thông tin là lĩnh vực rộng của chính sách công, hướng sự điều chỉnh tới toàn bộ chu trình thông tin và các hoạt động có liên quan. Trong xã hội, đối tượng vật thể thực (thực thể) phổ biến chứa thông tin rất đa dạng,

bao gồm các dạng tài liệu, văn bản, tranh vẽ, bản đồ, băng hình, băng ghi âm, dữ liệu số,... Hoạt động thông tin, với tư cách là một hoạt động dịch vụ khoa học, tác động vào các đối tượng nguồn tin thực để chúng được biến đổi và chuyển sang các dạng sản phẩm và dịch vụ thông tin khoa học (ấn phẩm, cơ sở dữ liệu, bảng tra, danh mục, tổng luận, tìm tin, phản biện thông tin, đánh giá thông tin,...). Như vậy, các sản phẩm thông tin và dịch vụ thông tin được coi là một phương thức để tạo lập tài nguyên thông tin và hàng hoá thông tin trong xã hội.

Với các ưu điểm vốn có, các sản phẩm và dịch vụ thông tin giữ vai trò rất lớn trong các nội dung sau:

- Nâng cao năng lực khai thác thông tin và thoả mãn nhu cầu của người dùng tin (NDT);

- Nâng cao năng lực kiểm soát tài nguyên thông tin và trang bị thông tin trong xã hội;

- Bảo vệ an toàn và lâu dài môi trường thông tin (Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi ta nhìn theo chiều của lịch sử, và coi thông tin là một loại di sản văn hoá, chứng tích của nền văn minh,...);

- Đẩy mạnh việc chia sẻ thông tin trong HTTTQG;

- Dễ dàng tạo lập thị trường mới về thông tin.

Do hạn chế về nguồn lực, để thoả mãn nhu cầu thông tin của xã hội, các quốc gia đều phải giải quyết cùng một số loại vấn đề, như: phần tự làm và phần nhập mua mà nô-m-na được gọi là chiến lược "Làm một phần, mua một phần" (Make some, Buy

some), xác lập lĩnh vực ưu tiên và cơ chế hỗ trợ tài chính cho các cơ quan tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thông tin [5,6,7,10].

2. Hiện trạng của sản phẩm và dịch vụ thông tin: nhìn từ chính sách

HTTTQG bao gồm 4 hợp phần cơ bản:

- Kỹ thuật: đây là thành phần "nền" thể hiện qua kết cấu hạ tầng thông tin;

- Thông tin: đây là phần trọng tâm, trong đó các sản phẩm và dịch vụ thông tin được hệ thống cung cấp là hợp phần tích cực;

- Con người: cán bộ thông tin và cộng đồng NDT;

- Tổ chức: hình thái liên kết, mức độ tập trung-phân tán, qui mô, ...

Như vậy, trong HTTTQG phần sản phẩm và dịch vụ thông tin giữ vai trò trung tâm. Phần lớn các sản phẩm thông tin hiện nay có thể nhóm thành 5 dòng chủ yếu tùy thuộc vào mức độ xử lý trí tuệ đối với văn bản trong các nguồn tin:

- các thông tin toàn văn;

- các thông tin thư mục-tóm tắt;

- các thông tin dữ kiện-số liệu;

- các thông tin phân tích-tổng hợp;

- các thông tin đánh giá-xếp hạng.

Các dòng sản phẩm thông tin trên đây có giá trị gia tăng cao dần theo cấp độ. Rõ ràng, các hệ quản lý càng cao thì càng cần các loại thông tin có giá trị gia tăng lớn. Phụ thuộc vào yêu cầu của người dùng tin, các loại thông tin trên đây được chuyển tới họ theo các phương thức khác nhau, tùy theo hình thức thể hiện và chế độ cung cấp.

Xem xét khái quát các sản phẩm và

dịch vụ thông tin, trên góc độ toàn hệ thống, ta thấy còn nhiều tồn tại, mà trong số đó có thể kể tới:

- Chất lượng thấp: thông tin thiếu tính hệ thống và không đầy đủ, thiếu đánh giá và phân tích làm cho các sản phẩm và dịch vụ thông tin có giá trị gia tăng rất thấp,

- Phương thức hoạt động sản phẩm và dịch vụ còn đơn sơ, chủ yếu dùng ở ngưỡng “bị động”, “cung cấp”,...

- Giá thành cao do sự áp đặt, độc quyền của nhà cung cấp thông tin, thiếu môi trường cạnh tranh trong hệ thống;

- Khó tiếp cận, không gian thông tin bị cắt sè.

Thông tin, cùng với vật chất và năng lượng, không những là một quá trình cơ bản mà còn là hiện tượng có bản chất xã hội và nhân văn có ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh phát triển. Thông tin từ đầu những năm 70 được xem là nguồn lực của phát triển, từ những năm 90 được xem là nguyên liệu của quá trình đổi mới. Vì lẽ đó, thông tin là đối tượng của các chính sách và là đối tượng để điều chỉnh trong hệ thống pháp luật quốc gia.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều chính sách và chiến lược khác nhau để phát triển và đa dạng hoá các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Đối với nhiều nước trong khu vực, phát triển thông tin trong những năm đầu của giai đoạn chuyển sang xã hội thông tin đều dựa vào việc nhập khẩu có chọn lọc các sản phẩm thông tin mà đầu tiên là các CSDL, các công cụ phần mềm ứng dụng, cho quyền sử dụng các dịch vụ tại các mạng thông tin tiên tiến. Các trường đại học của nhiều nước trong khu

vực mua nhiều CSDL của Hoa Kỳ và sử dụng quyền khai thác trên mạng thông tin KH&CN (gọi tắt là STN) của Hoa Kỳ, CHLB Đức và Nhật Bản,... Nghiên cứu hệ thống chính sách của nhiều nước cho thấy, chính sách phát triển sản phẩm thông tin bao gồm các yếu tố luật pháp, thủ tục, chế tài quy định về điều kiện ưu tiên như hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế,... quyền và trách nhiệm của các cơ quan tham gia vào hoạt động tạo lập và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Chính sách phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin có mối quan hệ chặt chẽ với các chính sách có liên quan khác, ví như chính sách đầu tư, chính sách tài chính, chính sách cán bộ,... Chính sách phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin là một bộ phận quan trọng của Chính sách thông tin nhằm mục tiêu đưa cả nước hội nhập vào xã hội thông tin toàn cầu.

Trước những năm 80 của thế kỷ XX, phần lớn các nước trong khu vực đều đóng vai trò là người tiêu dùng thông tin thụ động, chủ yếu nhập các sản phẩm thông tin từ các nước cường quốc thông tin như Hoa kỳ, Anh, Pháp, Nga,... để phổ biến và khai thác trong các cơ quan.

Trên quy mô quốc gia, trong điều kiện hiện tại, để phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin các nước đều đề ra mục tiêu khá giống nhau. Sự khác nhau giữa các nước thể hiện ở cơ chế được lựa chọn để đạt mục tiêu đó. Nói chung, điều trước tiên, các nước đều muốn tạo lập một hạ tầng kỹ thuật thông tin quốc gia (NII) giá rẻ và hiệu quả để mọi cá nhân và các tổ chức dễ dàng liên lạc với nhau. Nhờ hạ tầng thông tin này, người ta dễ dàng thiết

lập và mở rộng phạm vi ứng dụng của các dịch vụ căn bản như: trao đổi thư điện tử, truyền tệp, tìm kiếm thông tin,...

Mục tiêu tiếp theo của việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin là nhằm nâng cao năng lực sáng tạo của các cá nhân và tập thể khoa học, năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung. Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân, trong diễn đàn đối thoại với thanh niên vào tháng 12 năm 2007, đã nêu 3 cơ hội cho sự phát triển của nước ta là toàn cầu hoá, kinh tế tri thức và xã hội thông tin [12].

Mục tiêu thứ ba của việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin là nhằm tạo ra phương tiện kiến lập sự hài hoà, thống nhất và dân chủ trong xã hội. Những điều giúp hạn chế những mặt trái của bộ máy quan liêu, làm tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan công quyền.

3. Đề xuất nội dung của chính sách phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin

Từ nhiều năm nay, đặc biệt sau những năm đổi mới, nhiều nhà thông tin học đã đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các sản phẩm và dịch vụ thông tin trong hệ thống liên lạc xã hội với kỳ vọng, giải pháp sẽ chấm dứt hiện trạng “tri trệ” của hệ thống thông tin khoa học và công nghệ, những vấn đề “thông tin ít tác dụng” vốn rất nhức nhối của xã hội bấy giờ, như: hạn chế việc trùng lặp thông tin, đẩy nhanh lưu thông, giảm chi phí, thay thế vấn nạn với loại thông tin “có cũng được, không có cũng không sao” trong xã hội,...

Tuy nhiên, hơn 20 năm đã trôi qua, những tồn tại của cả hệ thống thông tin này vẫn ít hoặc chưa được khắc phục, cho dù hiện nay, các cơ quan thông tin dường như được cung ứng đủ công cụ hữu hiệu để trao đổi thông tin trên các mạng tốc độ cao, đủ năng lực kết nối với các kho thông tin số hoá khổng lồ. Trên thực tế, các sản phẩm và dịch vụ thông tin vốn dĩ được bao cấp, tràn lan song lại rất nghèo nàn và đơn điệu, vẫn chưa được ưa thích. Hiện trạng trên đây cho thấy một cách rõ ràng, chính sách phát triển các cơ quan thông tin trong thời gian qua ở nước ta còn nhiều bất cập. Thứ nhất, thiếu định hướng ưu tiên cụ thể và cơ chế hỗ trợ phù hợp (hình thức và mức độ). Thứ hai, chính sách tài chính chưa được sử dụng hiệu quả để tạo ra tính đa dạng và chất lượng trong các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Thứ ba, phát triển các cơ quan thông tin chưa được gắn kết hữu cơ với chính sách khoa học và công nghệ của quốc gia nên các sản phẩm và dịch vụ thông tin đến nay vẫn còn “ít tác dụng”. Thứ tư, thiếu chính sách hỗ trợ để nâng cao năng lực của các cơ quan thông tin. Do vậy, chính sách phát triển các cơ quan thông tin trong tương lai cần được thể hiện rõ hơn về các mặt:

- Xác định rõ cơ chế hỗ trợ phù hợp với mục tiêu, tính chất của các sản phẩm và dịch vụ của các loại cơ quan thông tin: Trong các văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược phát triển công tác thông tin đều xác định cần phải đưa công tác thông tin vận hành theo cơ chế thị trường. Tuy nhiên, trên toàn hệ thống, cần phải nhìn nhận theo 3 mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ toàn phần;
- Hỗ trợ một phần ;
- Tự trang trải.

Cách đây hơn 20 năm (năm 1986), khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, mặc dù cơ sở vật chất của toàn ngành thông tin còn nghèo nàn, nhu cầu thông tin chưa phải là bức bách vì nền kinh tế còn nặng bao cấp, song không ít các nhà thông tin học nước ta đã kiên quyết khẳng định: lối thoát duy nhất khỏi sự trì trệ trong hoạt động thông tin là “phải chuyển từ bao cấp sang lấy thu bù chi, tự cấp vốn hoạt động và tiến tới hạch toán kinh doanh trong hoạt động thông tin”. Tuy nhiên, hoạt động thông tin rất đa dạng, với nhiều lĩnh vực khác nhau. Vì vậy, tùy theo lĩnh vực và trường hợp cụ thể, nhà nước nên áp dụng cơ chế hỗ trợ cho phù hợp. Nguyên tắc chung là, nhà nước chỉ hỗ trợ cho các sản phẩm và dịch vụ thông tin phục vụ cho những lĩnh vực về chính trị, chiến lược, chính sách, quản lý nhà nước, lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và số ít các ngành công nghệ mũi nhọn, mang tính đột phá. Hoạt động thông tin phục vụ cho nhu cầu sử dụng trực tiếp nhằm đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh đều phải chuyển sang cơ chế tự trang trải theo thị trường với đúng nghĩa là một loại sản phẩm hàng hoá. Như vậy, trong toàn hệ thống thông tin khoa học và công nghệ cần sớm tổ chức và sắp xếp lại các tổ chức dịch vụ thông tin theo hướng:

- Để các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ hoạt động theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình theo quy định của pháp luật;

- Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ phục vụ việc đổi mới công nghệ, phát triển kinh tế được hoạt động theo cơ chế tự trang trải kinh phí, hoặc theo cơ chế doanh nghiệp;

- Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ còn lại vẫn được tiếp tục hỗ trợ kinh phí phải được tổ chức lại theo hướng tinh giản, có hiệu quả, hiệu lực;

- Nâng cao năng lực của các cơ quan thông tin nhằm tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thông tin chất lượng cao. Nhà nước hỗ trợ các cơ quan thông tin thông qua các hình thức:

+ Đầu tư trụ sở, hạ tầng kỹ thuật;

+ Hỗ trợ việc đào tạo cán bộ thông tin thông qua hình thức hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp. Kinh nghiệm cho thấy, hình thức hỗ trợ trực tiếp có hiệu quả hơn. Nhà nước cần quy định thống nhất chương trình đào tạo cho cán bộ thông tin, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và hỗ trợ một số tổ chức có năng lực để tiến hành tổ chức các khoá đào tạo để nâng cao trình độ nghề nghiệp cho cán bộ thông tin trong toàn hệ thống;

+ Chọn lọc và nhập các sản phẩm thông tin dưới dạng các CSDL có giá trị của nước ngoài và tổ chức dùng chung cho toàn hệ thống;

+ Ưu đãi về thuế đối với các cơ quan thông tin để thúc đẩy việc sớm hình thành thị trường thông tin trong nước.

- Tạo điều kiện thúc đẩy việc trao đổi và chia sẻ các sản phẩm thông tin.

Trên quy mô quốc gia, việc thiết lập hệ thống các sản phẩm thông tin là việc làm cần thiết song cũng tốn kém. Để tránh sự

lãng phí do trùng lặp, tổ chức thiếu khoa học cần sớm xây dựng dự án hình thành tổ hợp chia sẻ và trao đổi các sản phẩm thông tin. Ý tưởng và giá trị của việc chia sẻ thông tin đã được Bernard Shaw diễn đạt từ lâu bằng hình tượng: “Nếu mỗi người có một quả táo mà trao đổi với nhau thì kết cục mỗi người vẫn chỉ có một quả táo. Nhưng nếu mỗi người có một ý tưởng và trao đổi với nhau thì kết quả mỗi người sẽ có hai ý tưởng”. Để đảm bảo chia sẻ thành công, phải chuẩn bị các điều kiện và các yếu tố cần thiết giữa các cơ quan thông tin thành viên, đó là:

- Có chương trình hợp tác với sự thống nhất về những nguyên tắc cơ bản như: mục tiêu, quyền lợi, nghĩa vụ, phương thức hợp tác; phạm vi và khả năng mở rộng hợp tác;

- Đảm bảo kiến trúc hạ tầng: tuân thủ tiêu chuẩn chung về tổ chức tài nguyên thông tin; có phần mềm tích hợp các tiêu chuẩn chung, và có phần nguồn tài nguyên thông tin chia sẻ được;

- Có Ban điều hành am hiểu về tổ chức hoạt động thông tin và ứng dụng CNTT, đủ năng lực điều hành và điều chỉnh phù hợp trước những biến động;

- Tuân thủ các chuẩn nghiệp vụ trong hoạt động TT-TV như các chuẩn mô tả, trình bày, trao đổi dữ liệu (MARC21, AACR2, ...);

- Xây dựng được một chương trình và kế hoạch hành động trên cơ sở nắm vững các đặc điểm, các thuận lợi và khó khăn của các đơn vị thành viên.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định của Chính phủ số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/08-2004 "về hoạt động thông tin KH&CN"
2. Bell D. *The Coming Post-Industrial Society*. New-York, 1973
3. Gray Porothy. *Science & Engineering Literature: A guide to referenee Sources*. 1976, 368 p
4. Herring Conyers. *Distill or drown: The Need for Reviews.- Physics Today*, 1988, 21 (9), p. 27-33
5. Hemon P. *National Information policy: Problems and Progress*. Dekker, New York, 1989.
6. *Information as a raw material for innovation*. BMBF, 1998.
7. Nick Moore. *Information policy: A Discussion Paper on the Scope of the Policy Studies Institute*. Policy Studies Institute, London, 1992.
8. Nguyễn Hữu Hùng. *Thông tin: Từ lý luận tới thực tiễn*. H. Văn hoá thông tin, 2005
9. Nguyễn Hữu Hùng. *Tiếp cận chương trình trong hoạt động thông tin KH&CN thời kỳ quá độ chuyển sang xã hội thông tin.- Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, 2001, số 2
10. *Nghiên cứu xây dựng chính sách quốc gia về thông tin KH&CN trong thời kỳ CNH, HĐH.- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Chủ nhiệm Nguyễn Hữu Hùng*. H, Bộ KH&CNMT, 2000
11. Tạ Bá Hùng. Năm 1987 - năm khởi đầu những chuyển biến sâu sắc trong hoạt động thông tin khoa học và kỹ thuật ở nước ta. Báo cáo tại Hội nghị cán bộ các cơ quan thông tin ngành. Hà Nội, 12/1987.
12. *Tiền phong*. Ngày 20 tháng 12 năm 2007
13. Woodward A.M. *The role of reviews in Information transfer*. - *J. of the American for Information Science*, 1997, 28(3), p. 175-180